



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

27.11.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

LỰC CUNG CÓ XU HƯỚNG SUY GIẢM VÀ TỔ CHỨC TRONG NƯỚC VẪN KIÊN
TRÌ MUA RÒNG

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS) | BÁO CÁO THỰC HIỆN BỞI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	366
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	137
Số cổ phiếu giảm giá	171
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	58

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	210
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	73
Số cổ phiếu giảm giá	83
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	54

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	352
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	155
Số cổ phiếu giảm giá	95
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	102

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	80,983.72	62,836.12	18,147.60
% KL toàn thị trường	11.34%	8.80%	
Giá trị	2,577,539	2,588,533	(10,994)
% GT toàn thị trường	12.15%	12.20%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,766.68	1,328.35	438.32
% KL toàn thị trường	11.34%	8.80%	
Giá trị	41,054	34,145	6,909
% GT toàn thị trường	4.30%	3.58%	

UPCOM

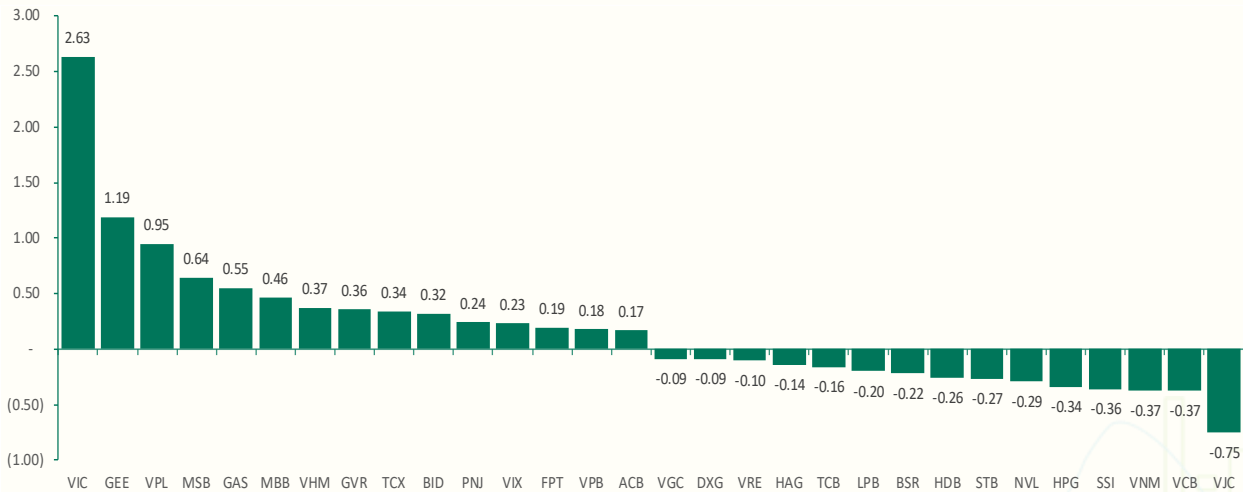
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	247.33	193.82	53.51
% KL toàn thị trường	0.88%	0.69%	
Giá trị	7,777	9,509	(1,732)
% GT toàn thị trường	1.70%	2.08%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	2,348,000	248,000	3,000 (1.22%)	106.21	5.94	2,335	962,358
2	VCB	3,113,500	57,900	-200 (-0.34%)	11.56	2.17	5,008	483,794
3	VHM	3,140,200	102,500	400 (0.39%)	16.38	1.79	6,259	421,010
4	BID	1,071,300	37,550	200 (0.54%)	9.65	1.57	3,890	263,652
5	CTG	7,632,300	48,850	-50 (-0.1%)	7.87	1.54	6,207	262,324
6	TCB	8,857,300	33,750	-100 (-0.3%)	10.84	1.33	3,113	239,161
7	VPB	14,878,100	29,100	100 (0.34%)	11.18	1.45	2,603	230,877
8	HPG	13,956,200	26,900	-200 (-0.74%)	12.47	1.62	2,157	206,470
9	MBB	22,892,300	23,500	250 (1.08%)	5.80	1.42	4,051	189,292
10	FPT	4,780,500	99,500	500 (0.51%)	16.62	3.96	5,988	169,499

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (Q)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+0.21%	+46.21%	1,597
▼ Tài chính	+0.12%	+24.34%	105
> Tổ chức tín dụng	+0.16%	+23.75%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.21%	+33.30%	63
> Bảo hiểm	+0.78%	+21.68%	13
▶ Bất động sản	+0.42%	+146.20%	133
▼ Công nghiệp	0%	+30.74%	401
> Vận tải	-0.51%	+21.25%	117
> Hàng hóa công nghiệp	+0.96%	+50.42%	230
> Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	+0.09%	+40.78%	54
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.28%	+14.42%	168
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.27%	+14.86%	155
> Thương mại hàng thiết yếu	-0.20%	0%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	-0.70%	+4.63%	4
▶ Nguyên vật liệu	+0.46%	+13.03%	283
▶ Tiện ích	+0.54%	+6.49%	153
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+1.34%	+29.46%	186
> Thương mại hàng không thiết yếu	+0.79%	+22.38%	66
> Dịch vụ tiêu dùng	+2.48%	+14.72%	37
> Thời trang và hàng lâu bền	+0.02%	+61.28%	71
> Xe và linh kiện	-0.03%	+0.82%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	-0.68%	-25.80%	41
> Dịch vụ viễn thông	-0.71%	-27.36%	18
> Truyền thông và giải trí	-0.18%	+6.67%	23
▶ Năng lượng	-0.58%	-2.24%	53
▼ Công nghệ thông tin	+0.52%	-22.63%	16
> Phần mềm và dịch vụ	+0.50%	-24.68%	9
> Phần cứng và thiết bị	+1.63%	+146.98%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	+0.13%	+7.36%	58
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	+0.10%	+11.61%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	+0.45%	-35.61%	11

Lực cung có xu hướng suy giảm và tổ chức trong nước vẫn kiên trì mua ròng

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 3.96 điểm (+ 0.24%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ tiêu dùng, hàng hóa công nghiệp, thương mại hàng không thiết yếu, bảo hiểm, tiện ích, phần mềm và dịch vụ, nguyên vật liệu, bất động sản, tổ chức tín dụng, thời trang và hàng lâu bền...và một số mã ngân hàng là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VPL, GEE, PAC, PNJ, FRT, DGW, HUT, PET, BVH, MIG, GAS, POW, REE, FPT, CMG, GVR, MSR, DPR, PHR, DDV, VCS, VIC, VHM, BID, VPB, MBB, OCB, MSB, VIB, ACB, VGT, TNG, STK ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) GEE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ GEE đang sóng 5 tăng giá với giá mục tiêu 213 – 254;
- ✓ GEI (GEX hạ tăng đã được chấp nhận IPO 100 triệu cổ phiếu với giá 28, GEE là cổ phiếu sở hữu nhiều GEI nhất với và việc IPO khiến thị trường định giá lại cổ phiếu;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(ii) DGW tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ DGW đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 56 – NĐT nên chú ý khi cổ phiếu có Break out kháng cự 46 để hoàn thành mô hình Rally – Base – Rally;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iii) REE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ REE đang ở hỗ trợ sóng 4 quanh vùng giá 65;
- ✓ Sóng 5 tăng giá có mục tiêu 72 – 76;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iv) MSB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;

- ✓ Cổ phiếu hoàn thành sóng 4 giảm giá theo mô hình ABC trong đó C có 5 sóng nhỏ với hỗ trợ quanh vùng giá 12;
- ✓ Sóng 5 tăng giá có mục tiêu 18;
- ✓ VNPT dự kiến thoái vốn MSB ở mức định giá 18.2;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 50%;

(v) MSR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ MSR vận động theo mô hình sóng 4 với hỗ trợ quanh vùng giá 22;
- ✓ Hiện kháng cự để hình thành sóng 5 quanh vùng giá 26;
- ✓ Một Break out sẽ hình thành sóng 5 với mục tiêu giá 31 – 36;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 63%;

(2) Dịch vụ viễn thông, năng lượng, vận tải, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, dịch vụ tài chính, truyền thông và giải trí...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VGI, CTR, BSR, PVD, PVT, VJC, MVN, VTP, VSC, CII, MCH, MSN, VNM, HAG, SBT, QNS, ANV, VHC, SSI, VND, VCI, HCM, MBS, FTS, CTS, YEG...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VJC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VJC sau khi chạm giá mục tiêu sóng 5 đang hình thành sóng điều chỉnh giảm;
- ✓ Mô hình này chúng ta nên chờ đợi trước khi giao dịch. VJC có thể hình thành mô hình hai đỉnh trước khi hình thành sóng ABC. Do vậy, ở vùng giá hiện tại là vùng giá chốt lời nhiều hơn dò đáy mua mới;
- ✓ HDB dự kiến bán cổ phần VJC để chốt lời thu về gần 2,000 tỷ đồng;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

(ii) VCI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Long Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang ở vùng giá hỗ trợ mục tiêu của sóng 3 giảm giá quanh 31 – 32;
- ✓ Sóng 4 đối kháng có thể hình thành do cổ phiếu đang trong vùng quá bán với kháng cự sóng 4 là 36 – 38;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Chạm kháng cự dài băng trên lực mua suy giảm

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và thấp hơn mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 625 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: GEX, GMD, MWG, STB, TCB, GAS, HDC, EIB, PVT, FUESSVFL... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: POW, E1VFN30, VNM, MBB, TPB, VPB, VIB, HDB, FRT, HPG...Hôm nay, tổ chức trong nước là nhóm mua ròng còn tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, cá nhân trong nước và tự doanh đều bán ròng. Đây có lẽ là chuỗi tích lũy dài nhất của nhóm tổ chức trong nước kể từ tháng 5 trở lại đây.

(ii) VN-Index đã có Break out kháng cự động MA(50) nhưng do dải băng trên chưa mở ra nên chỉ số chịu áp lực kháng cự trong phiên hôm nay. Độ rộng thị trường nghiêng về phía giảm do NĐT có xu hướng chốt lời trong phiên hôm nay ở vùng kháng cự tiềm năng. Điểm nhấn mạnh: (a) Với chỉ số đi ngang trong biên 1,580 – 1,700 điểm và cả MA(20) và MA(50) đều nằm ngang thì những kháng cự động hiện tại này không có nhiều ý nghĩa vì nó có thể giá sẽ cắt lên cắt xuống liên tục. (b) So với các nhịp hồi phục trước đây, chúng tôi thấy rằng lực cung rõ ràng đã có xu hướng giảm. Điểm này là khác biệt so với nhịp hồi phục trước khi chạm kháng cự lực cung thường bán mạnh hơn. Điều này tạo nhiều hy vọng về sự bứt phá vượt 1,700 điểm ở nhịp kháng cự này. Lực bán hôm nay khiến nhiều NĐT thất vọng nhưng không thực sự quá bị quan nếu nhìn vào cấu trúc vận động.

Các cổ phiếu tiến vào mạnh: MSR, DRI, MST, MSB...

Các cổ phiếu vượt đỉnh: ANT...

Các cổ phiếu mua tích lũy là: PNJ, MSR, MSR, DPR, MSB, BCM, C4G

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 05 mã cho tín hiệu mua, 07 mã cho tín hiệu bán, 18 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã VPB, GAS, BID, SSB, VIC...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 47% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ là 1,600 điểm và kháng cự là 1,700 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu MSB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	572.08	572.55	571.6	YES	577.03	582.94	587.89	593.8	566.17	561.22	555.31	550.36
HNINDEX	261.64	261.74	261.53	YES	263.15	264.87	266.38	268.1	259.92	258.41	256.69	255.18
UPINDEX	119.4	119.42	119.38	YES	119.62	119.89	120.11	120.38	119.13	118.91	118.64	118.42
VN30	1924.43	1926.06	1922.81	YES	1931.77	1942.35	1949.69	1960.27	1913.85	1906.51	1895.93	1888.59
VNINDEX	1686.91	1688.21	1685.62	YES	1692.75	1701.17	1707.01	1715.43	1678.49	1672.65	1664.23	1658.39
VNXALL	2871.02	2874.28	2867.75	NO	2881.9	2899.31	2910.19	2927.6	2853.61	2842.73	2825.32	2814.44
VN30FIM	1923.33	1924.5	1922.17	YES	1931.67	1942.33	1950.67	1961.33	1912.67	1904.33	1893.67	1885.33
VN30FIQ	1915.27	1917.9	1912.63	NO	1920.63	1931.27	1936.63	1947.27	1904.63	1899.27	1888.63	1883.27
VN30F2M	1920.9	1922.75	1919.05	YES	1928.8	1940.4	1948.3	1959.9	1909.3	1901.4	1889.8	1881.9
VN30F2Q	1917.47	1919.95	1914.98	NO	1922.43	1932.37	1937.33	1947.27	1907.53	1902.57	1892.63	1887.67
ACB	24.38	24.4	24.37	YES	24.47	24.58	24.67	24.78	24.27	24.18	24.07	23.98
BID	37.52	37.5	37.53	YES	37.73	37.92	38.13	38.32	37.33	37.12	36.93	36.72
BCM	66.13	66	66.27	NO	66.87	67.33	68.07	68.53	65.67	64.93	64.47	63.73
BVH	52.6	52.45	52.75	NO	53.2	53.5	54.1	54.4	52.3	51.7	51.4	50.8
CTG	49.08	49.2	48.97	NO	49.37	49.88	50.17	50.68	48.57	48.28	47.77	47.48
GVR	27.77	27.7	27.83	NO	28.03	28.17	28.43	28.57	27.63	27.37	27.23	26.97
GAS	62.53	62.3	62.77	NO	63.57	64.13	65.17	65.73	61.97	60.93	60.37	59.33
FPT	99.13	98.95	99.32	NO	100.17	100.83	101.87	102.53	98.47	97.43	96.77	95.73
HDB	32.02	32.03	32.01	YES	32.43	32.87	33.28	33.72	31.58	31.17	30.73	30.32
HPG	27.03	27.1	26.97	NO	27.17	27.43	27.57	27.83	26.77	26.63	26.37	26.23
LPB	49.57	49.7	49.43	NO	49.93	50.57	50.93	51.57	48.93	48.57	47.93	47.57
MBB	23.48	23.47	23.49	YES	23.67	23.83	24.02	24.18	23.32	23.13	22.97	22.78
MSN	78.9	79.1	78.7	NO	79.4	80.3	80.8	81.7	78	77.5	76.6	76.1
MWG	79.87	79.8	79.93	YES	80.23	80.47	80.83	81.07	79.63	79.27	79.03	78.67
PLX	33.93	33.9	33.97	YES	34.17	34.33	34.57	34.73	33.77	33.53	33.37	33.13
SAB	46.5	46.55	46.45	NO	46.65	46.9	47.05	47.3	46.25	46.1	45.85	45.7
SSB	17.32	17.3	17.33	YES	17.48	17.62	17.78	17.92	17.18	17.02	16.88	16.72
SHB	16.75	16.75	16.75	YES	16.9	17.05	17.2	17.35	16.6	16.45	16.3	16.15
SSI	33.5	33.65	33.35	NO	33.85	34.5	34.85	35.5	32.85	32.5	31.85	31.5
TCB	33.88	33.95	33.82	NO	34.07	34.38	34.57	34.88	33.57	33.38	33.07	32.88
STB	49.73	49.95	49.52	NO	50.17	51.03	51.47	52.33	48.87	48.43	47.57	47.13
TPB	17.48	17.55	17.42	NO	17.67	17.98	18.17	18.48	17.17	16.98	16.67	16.48
VHM	102.47	102.45	102.48	YES	103.63	104.77	105.93	107.07	101.33	100.17	99.03	97.87
VCB	58.1	58.2	58	NO	58.3	58.7	58.9	59.3	57.7	57.5	57.1	56.9
VIB	18.72	18.75	18.68	NO	18.88	19.12	19.28	19.52	18.48	18.32	18.08	17.92
VIC	248.83	249.25	248.42	NO	252.27	256.53	259.97	264.23	244.57	241.13	236.87	233.43
VJC	201.03	200.55	201.52	NO	208.77	215.53	223.27	230.03	194.27	186.53	179.77	172.03
VPB	29.13	29.15	29.12	YES	29.47	29.83	30.17	30.53	28.77	28.43	28.07	27.73
VNM	62.47	62.7	62.23	NO	62.93	63.87	64.33	65.27	61.53	61.07	60.13	59.67
VRE	34.07	34.28	33.86	NO	34.48	35.32	35.73	36.57	33.23	32.82	31.98	31.57

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
MSB	23,219,600	4,557,400	509	6.97
MST	5,532,000	1,229,950	450	5.45
VJC	4,882,800	2,251,480	217	-2.79
TCX	4,729,600	2,005,040	235.89	1.4
FIT	2,436,500	608,930	400	2.15
C69	2,317,300	601,520	385	4.2
DCL	2,132,200	751,470	283.74	6.21
MSR	1,997,600	934,220	214	5.26
DPR	1,992,600	537,940	370	2.71
LIG	1,625,100	254,980	637.34	2.27
GAS	1,562,200	565,870	276	1.61
EIVFVN30	1,535,500	621,090	247	-0.29
GEE	1,457,600	613,720	238	7
LGL	1,257,900	510,220	247	0.16
SBS	1,000,900	391,560	255.62	1.82
PLP	966,600	213,270	453	6.88
BCE	853,000	26,540	3,214	1.39
PNJ	831,600	372,440	223	3.44
VHE	771,800	202,660	381	0
VPL	596,900	249,710	239.04	2.64
PIV	560,300	180,630	310	10.81
ABC	473,800	212,770	223	14.93
VTO	439,900	176,720	249	-1.28
LDP	284,200	31,010	916	1.77
TRC	209,600	77,490	270.49	5.28
NBC	159,400	47,740	334	0
TN1	154,300	9,850	1,567	6.8
FUESSVFL	146,100	47,310	309	-0.1
DST	126,500	48,970	258	1.09
BSH	105,000	40	262,500	-0.53
ACG	103,400	2,900	3,566	0.14
VLB	95,600	26,740	358	1.67
AAT	80,800	28,490	284	3.76
KSV	80,400	33,020	243	1.51
HU4	72,100	15,790	457	0
D2D	70,200	30,610	229	-0.98
DXV	65,300	24,210	270	-1.28
PSB	51,100	12,770	400	0
VTC	48,300	12,080	400	9.93
MAC	44,400	7,570	587	9.77

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: MSB...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
27-Nov	MSB	Mua	≤ 14	10% -20%	Sóng 5 đang hình thành - Mua khi cổ phiếu trùng xuống
27-Nov	DGW	Mua	≤ 46.5	10% -20%	Mua khi cổ phiếu có dấu hiệu đóng cửa Break out 46

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 02 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 26/11, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.146 VND/USD, không đổi so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.939 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.353 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.379 VND/USD, tăng 09 đồng so với phiên 25/11. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 10 đồng ở chiều mua vào và 30 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 27.740 VND/USD và 27.820 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 26/11, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm từ 0,05-0,70 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi kỳ hạn 1M tăng 0,15 đpt so với phiên trước đó, giao dịch tại: ON 5,80%; 1W 6,0%; 2W 6,40% và 1M 6,15%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,02 -0,03 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M giao dịch tại: ON 3,94%; 1W 4,0%; 2W 4,04%, 1M 4,05%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đi ngang ở hầu hết các kỳ hạn, kỳ hạn 10Y giảm 0,01 đpt, chốt phiên với mức: 3Y 2,97%; 5Y 3,19%; 7Y 3,44%; 10Y 3,87%; 15Y 3,95%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên 26/11, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 2.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 1.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày và 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Kết quả là có 924,08 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày, có 239,9 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 28 ngày và có 4.075,6 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 91 ngày. Kỳ hạn 7 ngày không có khối lượng trúng thầu. Có 3.473,96 tỷ đồng đáo hạn phiên 26/11. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN bơm ròng 1.765,62 tỷ đồng vào thị trường trong phiên hôm qua. Có 323.225,88 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 26/11, KBNN đấu thầu thành công 6.050 tỷ đồng/14.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 43%. Kỳ hạn 10Y là kỳ hạn duy nhất có khối lượng trúng thầu với lãi suất trúng thầu là 3,86% (+0,01 đpt so với phiên đấu thầu trước). Các kỳ hạn 5Y, 15Y và 30Y gọi thầu lần lượt 3.000 tỷ đồng, 1.500 tỷ đồng và 500 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu ở cả 3 kỳ hạn.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

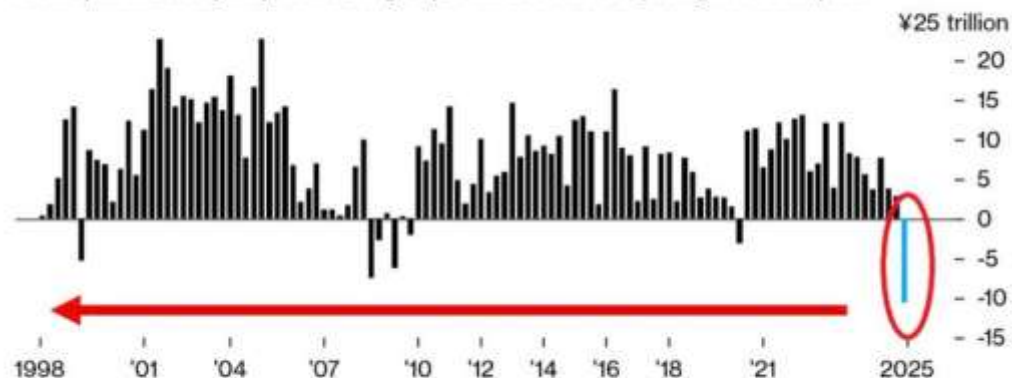
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Các nhà đầu tư đang rút khỏi trái phiếu Nhật Bản do lợi suất tăng

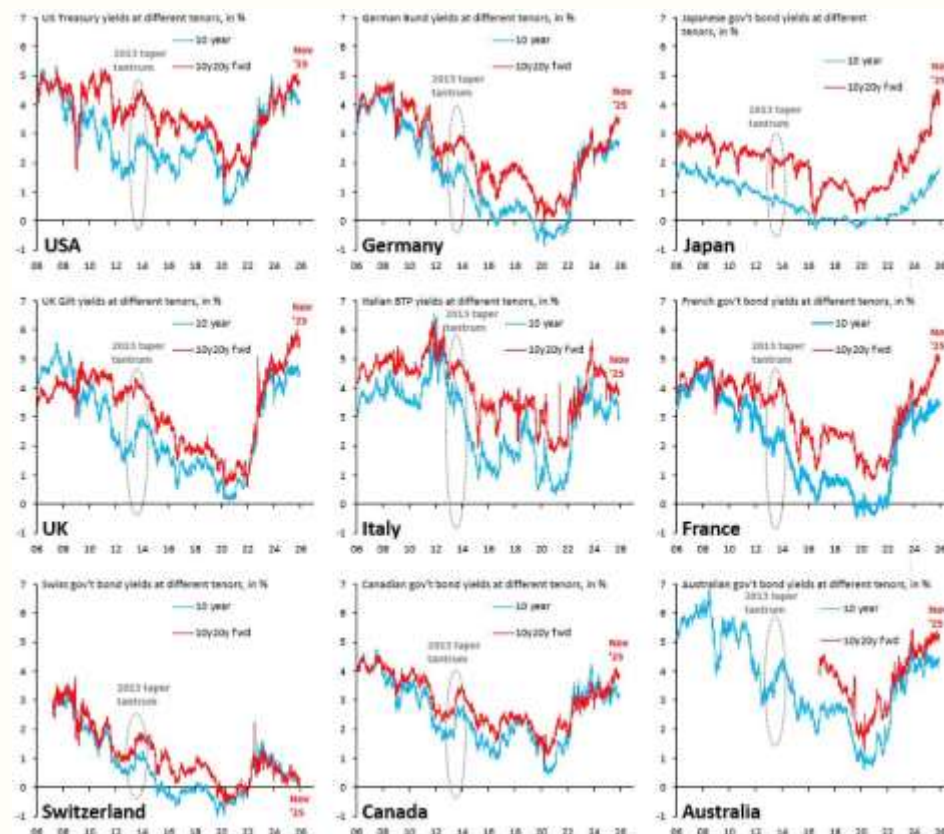
Major Holders Dump JGBs by a Record

■ Net purchases by major investor groups and BOJ after adjusting for redemption



Sources: Bloomberg, JSDA, BOJ

Lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ các nước phát triển kỳ hạn 10 năm



TTCK MỸ

Các chỉ số đã vượt kháng cự giảm giá ngắn hạn

Meta đang phục hồi tăng giá trở lại nhưng khoảng trống giá sẽ là kháng cự ?

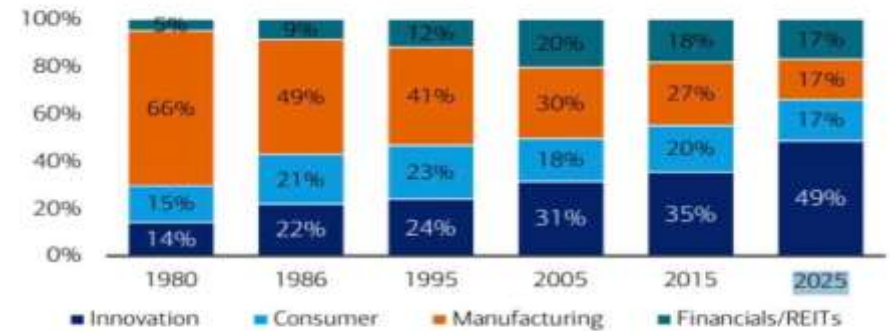


Vốn hóa vừa và nhỏ thiết lập mô hình cốc tay cầm trên đồ thị tuần ?



Định giá hiện tại cao hơn vì tài sản hiện tại không phải là tài sản cứng như năm 1980

Exhibit 21: S&P 500 = 50% asset light vs. 70% manufacturing in 1980
% of S&P 500 market cap by sector



Source: Haver Analytics, FactSet, BofA US Equity & Quant Strategy* present (Asset light / Innovation = Tech, Comm. Services ex-Telecom & Health Care, Consumer = Staples/Discretionary, Manufacturing/Asset Intensive/Capex = Industrials, Materials, Energy, Utilities, Telecom)

BofA GLOBAL RESEARCH

S&P 500 và Nasdaq đều phá vỡ kháng cự ngắn hạn – Điều chỉnh đã kết thúc



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

